TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **51**/2017/HSST
Ngày 28-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Y Nhơm – Nguyên Phó bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

2. Bà: Đinh Thị Hợp – Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2017/HSST, ngày 14 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn H**, sinh ngày 20/01/1997; Nơi sinh: tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký HKTT và trú tại: xóm 2, xã BT, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn Q, sinh năm 1959 và bà Ngô Thị H (đã chết); Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 03 anh, chị, em; Nhân thân: ngày 09/12/2016 bị TAND quận 6, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" ngày 15/7/2017 chấp hành xong hình phạt; Bị bắt truy nã từ ngày 15/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. (Có mặt)

- *Người bị hại:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1974 (có mặt)
Trú tại: thôn 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Trú tại: xóm 8, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 12 năm 2014, Bùi Văn H cùng Phạm Văn H (trú tại xóm 8, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An) đến làm thuê và ở tại chòi rẫy thuộc thôn TS, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho bà Trần Thị L (trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông), đến ngày 17/12/2014, H xin bà L nghỉ việc và yêu cầu được thanh toán tiền công nhưng bà L chưa đồng ý. Ngày 18/12/2014 bà L điều khiển xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 (xe thuộc sở hữu của bà Trần Thị L) đến rẫy để hái cà phê. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo H nhặt được ở trong chòi rẫy 01 chiếc chìa khóa xe máy rồi dùng để mở ổ khóa điện của xe mô tô biển số 48E1 – 114.07, sau khi mở được khóa điện, bị cáo H khởi động xe và điều khiển xe về tỉnh Đắk Lắk để tìm nơi tiêu thụ. Tuy nhiên, do không tìm được nơi tiêu thụ nên đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 về lại thôn TS, xã L, huyện Đ nhờ anh Phạm Văn H mang trả lại cho bà L, sau đó bị cáo H bỏ trốn, đến ngày 15/7/2017 H bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 Bùi Văn H trộm cắp sau đó đã được Cơ quan Công an huyện Đắk Mil thu giữ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/HĐĐGTS ngày 05/01/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: Xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 có giá trị còn lại là 20.240.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 59/CTr-VKS, ngày 13/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và không có khiếu nại gì về kết luật định giá tài sản.

Người bị hại bà Trần Thị L: Do đã nhận lại tài sản, không hư hỏng gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 69; Điều 74 của BLHS, Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt truy nã ngày 15/7/2017.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 cho bà Trần Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không tranh luận gì, khi được nói lời sau cùng bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/12/2014, tại thôn TS, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Trần Thị L, Bùi Văn H đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Trần Thị L 01 chiếc xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 có giá trị sử dụng 20.240.000 đồng. Hành vi này đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Bùi Văn H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều 138 BLHS quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bản tính lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Trần Thị L 01 chiếc

xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 có giá trị sử dụng còn lại là 20.240.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải được xử lý nghiêm.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng năng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi bị bắt và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên 17 tuổi 10 tháng 28 ngày. Do đó cần áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 18/12/2014 sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Ngày 09/12/2016, bị Tòa án nhân dân quận 06, Tp Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh bị cáo là người không có tài sản, thu nhập, không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạm bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ, sau đó ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 cho bà Trần Thị L là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt truy nã ngày 15/7/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trần Thị L không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

3. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 41 của BLHS; Căn cứ Điều 76 của BLTTHS; Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ, sau đó ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 48E1 – 114.07 cho bà Trần Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh